TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **228**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thiết
Ông Hà Quang Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang* tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18/4/2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn 7 S, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn 7 S, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn chị Phạm Thị N có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Văn K vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn K kết hôn với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 05/12/2012 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống cùng gia đình bố mẹ chồng tại thôn 7 S, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có sự bàn bạc trong làm ăn, phát triển kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Hoàng Văn K đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị yêu cầuTòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn K để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Hoàng Văn K có 01 con chung là cháu Hoàng Minh B, sinh ngày 17/02/2014. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh B đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Hoàng Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Hoàng Văn K không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và bà Hoàng Thị Đ là mẹ đẻ của bị đơn anh Hoàng Văn K, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn K kết hôn với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị N, anh K về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh K tại thôn 7 S, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng gay gắt hơn. Chính quyền địa phương và người thân thích của anh Kiểm xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn K đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị N theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn K có 01 con chung là cháu Hoàng Minh B, sinh ngày 17/02/2014.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Vợ chồng chị Phạm Thị N, anh Hoàng Văn K không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Hiện nay chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn K đều có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 7 S, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình, gia đình cũng đã thông báo lại cho anh K biết về việc chị N khởi kiện yêu

cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K và Tòa án triệu tập anh K đến làm việc, tuy nhiên anh K báo lại là đang đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Giang, nhưng không thông báo cho gia đình và địa phương biết anh K đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào tại tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phạm Thị N thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Hoàng Văn K chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị N:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Minh B, sinh ngày 17/02/2014 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị N, anh K không có tài sản, đất đai, vay nợ chung; quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị N có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí với lý do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn. Bị đơn anh Hoàng Văn K không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn K, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn K có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 7 S, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Hoàng Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn 7 S, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Phạm Thị N đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Hoàng Văn K. Anh K đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ anh K hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh K đã biết được việc chị N khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh K không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh K đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn K chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn K kết hôn với nhau từ năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 05/12/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Ki tại thôn 7 S, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Đến cuối năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách, bất đồng trong làm ăn phát triển kinh tế. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, chị N xác định tình cảm vợ chồng với anh K đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn K đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh

phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn K có 01 con chung là cháu Hoàng Minh B, sinh ngày 17/02/2014. Quá trình giải quyết vụ án chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh B và không yêu cầu anh Hoàng Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Ngoài ra, cháu Hoàng Minh B cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó HĐXX thấy rằng cần giao con chung là cháu Hoàng Minh B cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn K không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Phạm Thị N và anh Hoàng Văn K không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Phạm Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị Na có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí với lý do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn. Bị đơn anh Hoàng Văn K không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Minh B, sinh ngày 17/02/2014 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn K không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị đơn anh Hoàng Văn K không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị N và bị đơn anh Hoàng Văn K được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã M (Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2012, ngày 05/12/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San